



Thông tin tin cậy - dự báo kịp thời

# Giới thiệu chỉ tiêu kinh tế - xã hội

## CHỈ SỐ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP (IIP)

- TỔNG QUAN VỀ CHỈ SỐ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP SỰ CẦN THIẾT PHẢI ĐỔI MỚI
- PHƯƠNG PHÁP THỐNG KÊ CÔNG NGHIỆP HÀNG THÁNG
- CHỈ SỐ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP THÁNG 11/2018 VÀ 11 THÁNG ĐẦU NĂM 2018



**Bản tin điện tử**

Số **08** - T11/2018

<http://ncif.gov.vn>; [thongtindubao.gov.vn](http://thongtindubao.gov.vn)

## I. TỔNG QUAN

### 1. Mục đích, ý nghĩa

Chỉ tiêu đánh giá tốc độ phát triển sản xuất ngành công nghiệp hàng tháng, quý, năm. Chỉ số này thường được tính dựa trên khối lượng sản phẩm sản xuất, nên còn được gọi là “chỉ số khối lượng sản phẩm công nghiệp”; là một chỉ tiêu quan trọng phản ánh khái quát tình hình phát triển toàn ngành công nghiệp nói chung và tốc độ phát triển của từng sản phẩm, nhóm ngành sản phẩm nói riêng; đáp ứng nhu cầu thông tin của cơ quan quản lý Nhà nước, các nhà đầu tư và các đối tượng dùng tin khác.

### 2. Khái niệm, nội dung, phương pháp tính

#### a) Khái niệm

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) là tỷ lệ phần trăm giữa khối lượng sản xuất công nghiệp tạo ra trong kỳ hiện tại với khối lượng sản xuất công nghiệp kỳ gốc.

Chỉ số sản xuất Công nghiệp là “chỉ tiêu nhanh” của các hoạt động công nghiệp, mà từ đó, chúng ta có thể xem xét tổng quan về hoạt động công nghiệp. IIP không bị ảnh hưởng bởi sự biến động giá và vì vậy chúng ta có thể xem xét hoạt động công nghiệp thuần túy thông qua IIP. Chỉ số có thể coi như “một sản phẩm” phản ánh tất cả các sản phẩm được tính trong chỉ số.

Chỉ số sản xuất công nghiệp có thể tính với nhiều kỳ gốc khác nhau tùy thuộc mục đích nghiên cứu. Ở nước ta hiện nay thường chọn kỳ gốc so sánh là cùng kỳ năm trước và kỳ trước liền kề; ít sử dụng gốc so sánh là một tháng cố định của một năm nào đó. Tuy nhiên, hầu hết các nước trên thế giới sử dụng gốc so sánh là tháng bình quân của một năm được chọn làm gốc để tính “chỉ số khối lượng sản phẩm công nghiệp”.

Việc tính chỉ số sản xuất công nghiệp được bắt đầu từ tính chỉ số sản xuất của sản phẩm hay còn gọi là chỉ số cá thể. Từ chỉ số cá thể có thể tính cho các chỉ số sản xuất của ngành công nghiệp cấp 4, cấp 2, cấp 1 và toàn ngành công nghiệp; cũng có thể tính cho một địa phương và cho toàn quốc.

Công thức tính:

$$I_x = \frac{\sum_{n=1}^n i_{Xn} \times W_{Xn}}{\sum W_{Xn}}$$

Trong đó:

IX: Chỉ số sản xuất chung;

$i_{Xn}$ : Chỉ số sản xuất của sản phẩm (hoặc của một ngành) thứ n ;

$W_{Xn}$ : Quyền số sản xuất của sản phẩm (hoặc của một ngành) thứ n. Trong công thức này, quyền số được thể hiện là tỷ trọng của sản phẩm trong một ngành hoặc tỷ trọng của một ngành chi tiết trong ngành cấp cao hơn.

b) Quy trình tính toán

- Tính chỉ số sản xuất của một sản phẩm

Công thức tính:

$$i_{qn} = \frac{q_{n1}}{q_{n0}} \times 100$$

Trong đó:

$i_{qn}$ : Chỉ số sản xuất của sản phẩm cụ thể thứ n (ví dụ như: sản phẩm điện, than, vải, xi măng...);

$q_{n1}$ : Khối lượng sản phẩm hiện vật được sản xuất ra ở thời kỳ báo cáo;

$q_{n0}$ : Khối lượng sản phẩm hiện vật được sản xuất ra ở thời kỳ gốc.

Tính chỉ số sản xuất cho từng sản phẩm riêng biệt tuy đơn giản, nhưng lại rất quan trọng, bởi các chỉ số của từng sản phẩm sẽ là cơ sở để tính chỉ số chung cho ngành, cho địa phương và cho toàn quốc. Nếu các chỉ số của từng sản phẩm thiếu chính xác sẽ làm cho chỉ số chung không chính xác.

- Tính chỉ số sản xuất của một ngành công nghiệp cấp 4

Chỉ số sản xuất của một ngành công nghiệp cấp 4 là chỉ số bình quân gia quyền của các chỉ số sản phẩm đại diện cho ngành đó.

Công thức tính:

$$I_{q,N4} = \frac{\sum i_{qn} \times W_{qn}}{\sum W_{qn}}$$

Trong đó:

$I_{q,N4}$ : Chỉ số sản xuất của ngành cấp 4 thứ N;

$i_{qn}$ : Chỉ số sản xuất của sản phẩm thứ n;

$W_{qn}$ : Quyền số sản xuất của sản phẩm thứ n;

q: Ký hiệu cho khối lượng sản xuất;

N4: Ký hiệu cho ngành cấp 4 (N4=1,2,3,...j);

(j: Số thứ tự của ngành cấp 4 cuối cùng)

n: Ký hiệu cho số sản phẩm (n=1,2,3...k).

(k: Số thứ tự của sản phẩm cuối cùng trong ngành công nghiệp cấp 4).

- Tính chỉ số sản xuất của một ngành công nghiệp cấp 2

Chỉ số sản xuất của ngành công nghiệp cấp 2 là chỉ số bình quân gia quyền các chỉ số sản xuất của các ngành cấp 4 đại diện cho ngành cấp 2 (hoặc là chỉ số bình quân gia quyền các chỉ số sản xuất của các ngành công nghiệp cấp 3 đại diện cho ngành cấp 2).

Công thức tính:

$$I_{q,N2} = \frac{\sum I_{q,N4} \times W_{q,N4}}{\sum W_{q,N4}}$$

Trong đó:

$I_{q,N2}$ : Chỉ số sản xuất của ngành công nghiệp cấp 2;

IqN4: Chỉ số sản xuất của ngành công nghiệp cấp 4 đại diện cho ngành công nghiệp cấp 2;

WqN4 : Quyền số sản xuất của ngành công nghiệp cấp 4 đại diện cho ngành công nghiệp cấp 2.

Quyền số sản xuất của ngành công nghiệp cấp 4 là tỷ trọng của giá trị tăng thêm của ngành công nghiệp cấp 4 đó trong tổng giá trị tăng thêm của ngành công nghiệp cấp 2 tại thời điểm được chọn để tính quyền số.

- Tính chỉ số sản xuất của ngành công nghiệp cấp 1

Chỉ số sản xuất của ngành công nghiệp cấp 1 là chỉ số bình quân gia quyền của các chỉ số sản xuất của các ngành công nghiệp cấp 2 trong ngành cấp 1.

Công thức tính:

$$I_{qN1} = \frac{\sum I_{qN2} \times W_{qN2}}{\sum W_{qN2}}$$

Trong đó:

IqN1 : Chỉ số sản xuất của ngành công nghiệp cấp 1;

IqN2 : Chỉ số sản xuất của các ngành công nghiệp cấp 2;

WqN2: Quyền số sản xuất của các ngành công nghiệp cấp 2.

Trong ngành công nghiệp cấp 1 gồm nhiều ngành công nghiệp cấp 2 có vị trí quan trọng khác nhau. Tùy điều kiện, khả năng và yêu cầu mà chỉ số sản xuất của ngành công nghiệp cấp 1 được tính bình quân gia quyền từ tất cả các ngành công nghiệp cấp 2 thuộc ngành cấp 1, hoặc chỉ tính bình quân gia quyền của một số ngành cấp 2 quan trọng đủ đại diện cho ngành cấp 1.

- Tính chỉ số sản xuất của toàn ngành công nghiệp

Chỉ số sản xuất của toàn ngành công nghiệp là chỉ số bình quân gia quyền các chỉ số sản xuất của các ngành công nghiệp cấp 1 (gồm 4 ngành công nghiệp cấp I là: công

ngành khai khoáng; công nghiệp chế biến, chế tạo; công nghiệp sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải).

Công thức tính:

$$I_Q = \frac{\sum I_{qN1} \times W_{qN1}}{\sum W_{qN1}}$$

Trong đó:

IQ : Chỉ số sản xuất của toàn ngành công nghiệp;

IqN1: Chỉ số sản xuất của từng ngành công nghiệp cấp 1;

WqN1 : Quyền số của từng ngành công nghiệp cấp 1.

## II. SỰ CẦN THIẾT PHẢI ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP THỐNG KÊ CÔNG NGHIỆP HÀNG THÁNG

Trong nhiều năm qua, để đánh giá tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp hàng tháng, Tổng cục Thống kê chủ yếu dựa vào chỉ tiêu “Giá trị sản xuất công nghiệp theo giá cố định” và đã đạt được kết quả nhất định trong việc cung cấp các thông tin nhanh giúp Đảng, Nhà nước, các nhà nghiên cứu hoạch định các chủ trương, chính sách phát triển ngành công nghiệp một cách kịp thời và hiệu quả.

Về lý thuyết, phương pháp này được tính theo công thức:

$$\text{Giá trị sản xuất theo giá CD 1994} = \text{Khối lượng SP SX trong kỳ} \times \text{Đơn giá CD 1994}$$

Cơ sở của phương pháp đánh giá tăng trưởng công nghiệp bằng chỉ tiêu “Giá trị sản xuất công nghiệp theo giá cố định” phù hợp với nền kinh tế phát triển trên cơ chế quản lý là kế hoạch hoá tập trung bao cấp với số lượng cơ sở sản xuất ít, chủ yếu là doanh nghiệp nhà nước sản xuất theo kế hoạch, sản xuất cái gì, số lượng bao nhiêu rất cụ thể. Một đặc điểm nữa của nền sản xuất kế hoạch hóa tập trung là

chúng loại mặt hàng không đa dạng, chậm thay đổi, giá cả tương đối ổn định trong một thời gian dài nên danh mục sản phẩm dễ thiết lập và sử dụng trong bảng giá cố định, do đó phương pháp đánh giá tăng trưởng công nghiệp bằng chỉ tiêu “Giá trị sản xuất công nghiệp theo giá cố định” đã phát huy tối đa ưu thế và rất phù hợp với cơ chế này.

Ưu điểm khác của phương pháp này là đơn giản, rất dễ tính toán, tổng hợp, phù hợp trình độ làm số liệu cán bộ thống kê, kế toán lúc bấy giờ. Ngoài ra, chỉ tiêu GTSX theo giá CĐ còn biểu thị ý niệm trực quan rõ ràng nên dễ so sánh, người dùng tin có thể hình dung được cả tốc độ phát triển SX công nghiệp (số tương đối) và qui mô nền SX công nghiệp (số tuyệt đối);

Tuy nhiên, thống kê công nghiệp hàng tháng hiện nay được hình thành từ cơ chế kế hoạch hoá tập trung và tồn tại suốt nửa thế kỷ qua. Đến nay cả về hệ thống chỉ tiêu và phương pháp tính nêu trên đã bộc lộ những tồn tại và hạn chế đó là:

(1) Phương pháp tính các chỉ tiêu không còn thích hợp với nền kinh tế thị trường, nhất là phương pháp đánh giá tốc độ tăng trưởng bằng chỉ tiêu giá trị sản xuất công nghiệp. **Giá trị sản xuất bị tính trùng lên theo cấp số cộng, trong khi giá trị tăng thêm không bị tính trùng**, dẫn đến khoảng cách giữa tốc độ phát triển tính theo giá trị sản xuất với giá trị tăng thêm ngày càng lớn.

Theo phân tích của một chuyên gia thì, nguyên nhân chủ yếu dẫn đến việc chỉ số giá trị sản xuất công nghiệp theo giá cố định tăng cao hơn chỉ số IIP là do giá trị sản xuất theo giá cố định là chỉ tiêu tính toàn bộ kết quả sản xuất, bao gồm các chi phí trung gian (chủ yếu là nguyên, nhiên vật liệu, phụ tùng...) và giá trị tăng thêm, do vậy chỉ tiêu này có sự tính trùng kết quả của các ngành công nghiệp. Khi sản xuất công nghiệp càng phát triển, mức độ chuyên môn hóa sản xuất càng cao thì mức độ tính trùng càng lớn. Trong khi đó, chỉ số IIP sử dụng quyền số là giá trị tăng thêm nên đã giảm thiểu mức độ tính trùng kết quả sản xuất giữa các ngành công nghiệp.

(2) Trong nền kinh tế thị trường, nhiều sản phẩm mới xuất hiện, không có



trong bảng giá cố định nên không thể tính chính xác giá trị sản xuất theo giá cố định cho các sản phẩm mới này. Hơn nữa, trong điều kiện cạnh tranh, các doanh nghiệp cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm, trong khi giá bán lại giảm hơn trước, dẫn đến việc áp dụng bảng giá cố định không chính xác.

Hơn nữa, chỉ tiêu GTSXCN được tính bằng cách lấy khối lượng sản phẩm sản xuất của thời kỳ tính toán nhân với đơn giá của sản phẩm đó của năm gốc (năm 1994). Với cách tính này, nhiều sản phẩm mới xuất hiện nhưng không có giá trị của năm gốc, vì vậy việc tính toán không loại trừ hết được yếu tố tăng giá, dẫn tới GTSXCN thường tính cao hơn so với thực tế. Điều này cho thấy, chỉ số tăng trưởng công nghiệp tính theo GTSXCN giá CĐ kém sát thực hơn so với chỉ số IIP.

(3) Quy trình tính giá trị sản xuất theo giá cố định phải từ cơ sở, nhưng các cơ sở khó có thể thực hiện tính theo giá cố định một cách chính xác.

(4) Theo nguyên tắc, bảng giá cố định phải được thay đổi, chậm nhất là 5 năm một lần, tuy nhiên cho đến nay, bảng giá cố định 1994 đã tồn tại trên 14 năm. Tuy nhiên, việc biên soạn bảng giá cố định mới trong điều kiện hiện nay với hàng chục nghìn sản phẩm/mặt hàng đa dạng, phong phú là hết sức phức tạp, khó khăn và tốn kém, không có tính khả thi.

(5) Hiện nay trên thế giới không còn quốc gia nào tính chỉ tiêu giá trị sản xuất công nghiệp theo giá cố định.

(6) Phương pháp thống kê công nghiệp hàng tháng hiện hành không đảm bảo tính so sánh quốc tế.

Hiện nay, kinh tế nước ta đã và đang chuyển nhanh sang nền kinh tế thị trường, ngành công nghiệp Việt Nam đang phát triển nhanh, doanh nghiệp sản xuất nhiều sản phẩm mới với số lượng lớn, mặt hàng rất đa dạng, phong phú không còn đơn điệu và ổn định theo kế hoạch. Các sản phẩm được sản xuất từ đầu những năm 90 thế kỷ trước và được tính đến khi xây dựng bảng giá cố định 1994 đến nay còn rất ít, hoặc đã thay đổi mẫu mã, kích cỡ, chất lượng có nghĩa là thay đổi cả nội dung và hình thức. Giá cả không còn ổn định lâu dài theo qui định của Nhà nước,



tất cả đều theo qui định cung cầu của nền kinh tế thị trường quyết định. Bên cạnh đó, sản phẩm mới không có trong bảng giá cố định ngày càng nhiều. Vì vậy, việc tính toán phải có rất nhiều qui ước, không còn sản phẩm có giá cố định để sử dụng hoặc dùng giá của sản phẩm này áp cho một sản phẩm khác chỉ hơi giống qui cách, nội dung dẫn đến việc đánh giá tốc độ tăng trưởng của ngành công nghiệp theo bảng giá cố định trở nên lỗi thời, không còn phù hợp với điều kiện thực tế, nền tảng của phương pháp luận không còn phù hợp. Như vậy, về bản chất phương pháp tính đã thay đổi, không còn chính xác đòi hỏi chúng ta phải tìm ra một phương pháp tiếp cận mới phù hợp với tình hình, điều kiện hiện tại.

Phương pháp mới thay thế phương pháp cũ phải đáp ứng các yêu cầu chủ yếu sau:

- Phản ánh chính xác, sát với thực tế tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp.
- Đảm bảo tính so sánh quốc tế.
- Thông tin phản ánh phải chi tiết, đa dạng theo ngành kinh tế, chủng loại mặt hàng, sản phẩm chủ yếu của nền kinh tế thị trường.
- Các chỉ tiêu phải phản ánh đầy đủ, đa dạng chu kỳ sản xuất kinh doanh của ngành công nghiệp, cụ thể gồm các chỉ tiêu: Chỉ số phát triển sản xuất, chỉ số tiêu thụ, chỉ số tồn kho,...
- Có tính khả thi cao và phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam.

Do đó, một phương pháp được cân nhắc kỹ lưỡng, khắc phục nhược điểm của phương pháp cũ và phù hợp với điều kiện, tình hình mới là phương pháp chỉ số sản xuất công nghiệp (Index-Industry Products ) gọi tắt là chỉ số IIP

### **III. MỘT SỐ NHẬN ĐỊNH VỀ CHỈ SỐ IIP VÀ KHẢ NĂNG KHAI THÁC THÔNG TIN TỪ CHỈ SỐ IIP**

- Số liệu tổng hợp phong phú, chi tiết và đa dạng: hàng tháng, IIP được tính toán đến từng ngành cấp 4, từng sản phẩm hoặc mặt hàng
- Toàn bộ những ngành chủ đạo, sản phẩm chủ yếu, doanh nghiệp lớn, vừa

và một phần doanh nghiệp nhỏ của tỉnh đều được điều tra, tổng hợp vào chỉ số IIP. Những sản phẩm không có trong bảng giá cố định cũng được tính đến.

- Cơ sở dữ liệu đầy đủ, hoàn chỉnh, dễ khai thác. Toàn bộ số liệu về sản xuất, tiêu thụ, tồn kho của từng cơ sở sản xuất sản phẩm được cập nhật hàng tháng, đáp ứng kịp thời nhu cầu số liệu của mọi đối tượng dùng tin một cách nhanh chóng, thuận tiện.

- Dãy số liệu ổn định, tương đối sát với tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm ngành công nghiệp, độ tin cậy cao, có thể sử dụng làm căn cứ tính GDP.

- Phản ánh chính xác xu hướng phát triển ngành công nghiệp trong phạm vi tỉnh, TP. Không bị trùng với số liệu tỉnh khác vì đã loại trừ sản lượng của doanh nghiệp có trụ sở đặt tại tỉnh nhà, và không bị bỏ sót vì tính đủ cho những cơ sở SX có trụ sở chính đặt tại tỉnh khác.

- Chương trình phần mềm và phương pháp tính đảm bảo tính khách quan của số liệu thống kê

- Kết quả tổng hợp của tỉnh và trung ương thống nhất một nguồn số liệu gốc từ cơ sở, do vậy khắc phục sự khác biệt về số liệu giữa trung ương và địa phương.

### **III. CÔNG BỐ SỐ LIỆU**

#### **1. Nội dung công bố hàng tháng**

- Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP): được tính bằng khối lượng sản xuất các sản phẩm chủ yếu kỳ báo cáo qua điều tra mẫu so với khối lượng sản xuất kỳ gốc. Chỉ số IIP bao gồm: tháng báo cáo so với tháng bình quân năm gốc và cộng dồn từ đầu năm đến tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước và được phân tổ đến ngành cấp 4

- Giá trị sản xuất công nghiệp theo giá cố định 1994: Giá trị tuyệt đối của tháng chính thức, tháng ước tính, cộng dồn đến tháng ước tính và so sánh tốc độ phát triển so với cùng kỳ năm trước.

- Khối lượng sản phẩm và chỉ số của các sản phẩm chủ yếu: khối lượng SX

của tháng chính thức, tháng ước tính, cộng dồn đến tháng ước tính và so sánh tốc độ phát triển so với cùng kỳ năm trước.

## **2. Lộ trình công bố**

- Tại kỳ họp báo cuối năm 2008, Tổng cục Thống kê công bố chỉ số IIP như là kết quả của dự án do Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) và Bộ Công nghiệp và Thương mại Nhật Bản (METI) trợ giúp kỹ thuật.

- Từ tháng 1/2009 đến tháng 12/2010: hàng tháng ngành Thống kê công bố song song hai chỉ tiêu phản ánh xu hướng và tốc độ tăng trưởng công nghiệp hàng tháng là giá trị sản xuất theo giá cố định 1994 và chỉ số IIP. Mục tiêu của việc công bố song song là giúp cho người dùng tin tham khảo và dần làm quen và tiếp cận chỉ số mới, hình dung được tốc độ phát triển, cơ cấu ngành và mối tương quan giữa ngành công nghiệp với các ngành khác như thế nào khi sử dụng chỉ số IIP; Đồng thời vẫn sử dụng chỉ tiêu Giá trị sản xuất theo giá cố định 1994 để đánh giá, kiểm điểm việc thực hiện kế hoạch đã đề ra từ trước của các cấp quản lý, lãnh đạo. Như vậy việc xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch sẽ sử dụng chỉ số IIP trong kế hoạch hàng năm, giai đoạn 2010 – 2015 và các giai đoạn tiếp theo.

- Từ tháng 1/2011 trở đi, chỉ công bố chỉ số IIP và đây là chỉ tiêu sử dụng cho việc đánh giá, kiểm điểm việc thực hiện kế hoạch của tỉnh về tốc độ tăng trưởng SX CN

- Chỉ tiêu khối lượng sản phẩm và chỉ số tăng trưởng sản phẩm vẫn công bố đều đặn hàng tháng.

- Từ năm 2011, hàng quý công bố chỉ số về tiêu thụ và tồn kho sản phẩm ngành CN;

## **IV. CHỈ SỐ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP THÁNG 11/2018 VÀ 11 THÁNG ĐẦU NĂM 2018**

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng Mười Một ước tính tăng 9,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó ngành khai khoáng tăng 0,2%; ngành chế

biển, chế tạo tăng 11%; sản xuất và phân phối điện tăng 9,2%; cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 4,5%.

Tính chung 11 tháng năm 2018, IIP ước tính tăng 10,1% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức tăng 10,3% của cùng kỳ năm 2017, trong đó ngành chế biến, chế tạo tăng 12,2%, đóng góp 9,5 điểm phần trăm vào mức tăng chung; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 9,6%, đóng góp 0,8 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 6,3%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm; riêng ngành khai khoáng giảm 2%, làm giảm 0,3 điểm phần trăm mức tăng chung.

Trong các ngành công nghiệp cấp II, một số ngành có chỉ số sản xuất 11 tháng tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế tăng 63%; sản xuất kim loại tăng 23,7%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu tăng 22,3%; sản xuất xe có động cơ tăng 16,3%; sản xuất giấy, sản phẩm từ giấy và sản xuất giường, tủ, bàn, ghế cùng tăng 13,4%; dệt tăng 13%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) tăng 12,8%; sản xuất trang phục tăng 11,5%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy tính và sản phẩm quang học tăng 11,2%.

Một số ngành có mức tăng thấp hoặc giảm: Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải, tái chế phế liệu tăng 3,2%; sản xuất sản phẩm từ cao su, plastic và khai thác quặng kim loại cùng tăng 3,1%; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc, thiết bị tăng 3%; khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên giảm 5,5% (khai thác dầu thô giảm 11,9%; khai thác khí đốt tự nhiên tăng 1,7%); khai khoáng khác (đá, cát, sỏi...) giảm 1,6%.

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu 11 tháng năm nay tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Xăng, dầu tăng 51,8%; sắt, thép thô tăng 40,9%; ti vi tăng 23,9%; Alumin tăng 22,9%; khí hóa lỏng (LPG) tăng 22,4%; vải dệt từ sợi tổng hợp hoặc sợi nhân tạo tăng 21,3%; thức ăn cho thủy sản tăng 17,5%; vải dệt từ sợi tự nhiên tăng 16,5%; ô tô tăng 14,4%; đường kính tăng 14,3%; linh kiện điện thoại tăng 12,4%.

Một số sản phẩm tăng thấp hoặc giảm: Xe máy tăng 4,2%; phân u rê tăng 2,8%; phân hỗn hợp (NPK) tăng 2,5%; sữa tươi tăng 1,8%; khí đốt thiên nhiên dạng khí tăng

1,7%; thức ăn cho gia súc tăng 1%; điện thoại di động giảm 3,3% (điện thoại thông minh giảm 4,7%); dầu thô khai thác giảm 11,9% (cùng kỳ năm 2017 giảm 10,6%).

Chỉ số sản xuất công nghiệp 11 tháng năm 2018 của 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đều tăng so với cùng kỳ năm trước, trong đó Hà Tĩnh là địa phương có tốc độ tăng cao nhất với mức tăng 93,2% do có sự đóng góp của Tập đoàn Formosa, tiếp theo là Thanh Hóa tăng 33,6% chủ yếu do Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn mới đi vào sản xuất từ giữa năm 2018, Bà Rịa - Vũng Tàu có mức tăng thấp nhất cả nước với 2,1% do khai thác dầu thô giảm.

Chỉ số sản xuất công nghiệp 11 tháng so với cùng kỳ năm trước của một số địa phương có quy mô công nghiệp lớn như sau: Hải Phòng tăng 25,7%; Vĩnh Phúc tăng 14,9%; Thái Nguyên tăng 12,3%; Bình Dương tăng 9,5%; Hải Dương tăng 9,2%; Quảng Ninh tăng 9,1%; Đồng Nai tăng 8,9%; Bắc Ninh tăng 8,4%; Cần Thơ tăng 8,1%; thành phố Hồ Chí Minh tăng 8%; Hà Nội tăng 7,4%; Đà Nẵng tăng 7,2%; Quảng Nam tăng 6,9%.

Lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 1/11/2018 tăng 3,1% so với cùng thời điểm năm trước, trong đó lao động khu vực doanh nghiệp Nhà nước giảm 0,9%; doanh nghiệp ngoài Nhà nước tăng 4,1%; doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng 3,4%.

Tại thời điểm trên, số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp ngành khai khoáng giảm 1,2% so với cùng thời điểm năm trước; ngành chế biến, chế tạo tăng 3,4%; ngành sản xuất, phân phối điện tăng 0,1%; ngành cung cấp nước, xử lý rác thải, nước thải tăng 0,5%.

Lao động của các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 1/11/2018 so với cùng thời điểm năm trước của một số địa phương có quy mô công nghiệp lớn như sau: Hải Phòng tăng 13%; Bà Rịa - Vũng Tàu tăng 6,8%; Hà Nội tăng 5,8%; Đồng Nai tăng 4,5%; Hải Dương tăng 2,6%; Quảng Ninh tăng 2,4%; Cần Thơ tăng 1,1%; thành phố Hồ Chí Minh và Thái Nguyên cùng tăng 1%; Bình Dương tăng 0,8%;

Quảng Nam tăng 0,5%; Vĩnh Phúc giảm 2,7%; Bắc Ninh giảm 7,9%; Đà Nẵng giảm 12,3%.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. <https://www.gso.gov.vn>
2. <http://quangngai.gov.vn>
3. <http://cucthongkekg.gov.vn>